TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2022/DS-ST
Ngày 10 – 02 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Tiến Sĩ.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Trọng Tâm
Bà Trần Thị Mỹ Hương
- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2021/TLST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 639/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn A; Địa chỉ : 266 – 268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường B, Quận C, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn : Ông Diệp Lâm Kỳ Ph – chức vụ : Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn A - Chi nhánh D. Địa chỉ: Số 164A, Nguyễn Tất Thành, phường G, thành phố H, tỉnh E.

Người được ông Lâm Kỳ Phương ủy quyền lại : Ông Nguyễn Bình Ph – chức vụ: Chuyên viên Quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP Sài Gòn A – Chi nhánh D. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1974 và Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1974; Địa chỉ: số 301, đường Lê Anh Xuân, khóm I, phường K, thành phố H, tỉnh E. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông D và bà H có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A - chi nhánh D (gọi tắt là ngân hàng) cụ thể các khoản như sau :

- Ngày 24/5/2017 ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H có ký hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A - chi nhánh D (gọi tắt là ngân hàng) số tiền 150.000.000đ, lãi suất 0,78%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay: tiêu dùng. Quá trình vay ông D, bà H đã thanh toán được vốn và lãi là 120.740.000đ. Tính đến ngày 10/02/2022 tổng số tiền vốn và lãi ông D, bà H còn nợ là 81.529.794 đồng (trong đó vốn 55.000.000đ, lãi trong hạn 21.060.000đ, lãi quá hạn 5.469.794đ).

- Ngày 30/5/2017 bà Nguyễn Thị H đăng ký cấp thẻ tín dụng hạn mức 25.000.000đ tại ngân hàng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình giao dịch đến nay khoản thẻ tín dụng tại ngân hàng đã quá hạn tính đến ngày 10/02/2022 với tổng dư nợ là 20.918.819đ (trong đó vốn 14.063.069đ, lãi trong hạn 4.570.500đ, lãi quá hạn 2.285.250đ)

- Ngày 02/4/2018 ông D, bà H ký hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ vay vốn tại ngân hàng số tiền 70.000.000đ, lãi suất 1,08%/tháng, thời hạn vay 36 tháng. Quá trình vay trả vốn được 52.488.000đ, trả lãi được 20.466.000đ.Tính đến ngày 10/02/2022 ông D, bà H còn nợ vốn và lãi 28.492.316đ (trong đó vốn 17.512.000đ, lãi trong hạn 6.783.544đ, lãi quá hạn 4.196.772đ) Nay ngân hàng yêu cầu ông D, bà H thanh toán khoản tiền nêu trên, ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Đối với ông D, bà H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

[1] Về thủ tục tố tụng : Ông D, bà H đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao dịch của các đương sự là có thật xảy ra, chứng cứ được thể hiện tại hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ ngày 24/5/2017; ngày 02/4/2018 ; giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/5/2017 và biên bản làm việc ngày 28/5/2020, ngày 30/7/2020, ngày 03/8/2020. Xét thấy số tiền vốn mà đôi bên giao dịch với nhau là phù hợp nên không cần phải điều chỉnh. Tại phiên tòa ông Ph là người đại diện ngân hàng yêu cầu ông D, bà H thanh toán tổng số nợ vốn và lãi của các khoản nợ vay là 130.940.929đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông D, bà H phải chịu theo quy định. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A được hoàn lại khoản tiền tạm ứng án phí đã dự nộp khi bản án có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự ; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Căn cứ Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A. Buộc ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị H thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A tổng số tiền vốn và lãi là 130.940.929đ .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán , theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp, hợp đồng tín dụng , các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị H phải chịu 6.547.000đồng *(chưa nộp)*. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A không phải nộp. Ngày 29 tháng 4 năm 2021 Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn A đã dự nộp 2.643.000đồng tại lai số 0000997 được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điêù 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

Lương Tiến Sĩ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Tiến Sĩ

Nơi nhận
-TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND thành phố Cà Mau
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn
- Lưu TM (TANDTPCM)